

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 296/2024/DS-GĐT

Ngày 26-12-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: ông Phan Thanh Tùng

ông Hoàng Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Anh Quân – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đỗ Xuân Lượng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: số A Đại lộ B, tổ G, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1981;

Địa chỉ: tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. ***Bị đơn:*** ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Hữu T2, sinh năm 1983 và ông Lê Hữu T3, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: xóm E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Cùng địa chỉ liên hệ: số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: tổ E, khu phố I, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông K: ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1981.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà H: ông Lê Hữu T2, sinh năm 1983 và ông Lê Hữu T3, sinh năm 1981.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Thanh T1 có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 01/12/2020 đến ngày 01/7/2021 bà T đã cho ông T1 vay nhiều lần bằng hình thức lập giấy mượn tiền thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng và hình thức chuyển khoản. Tổng cộng bà T đã cho ông T1 vay là 5.800.000.000 đồng (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng*), khi vay các bên không có thỏa về lãi suất. Sau khi vay, ông T1 không trả nợ cho nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả vốn và lãi suất 10%/năm trên tổng số tiền vay gốc cho mỗi thời điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/9/2022.

Ông T1 thừa nhận có nợ 5.800.000.000 đồng như bà T trình bày nhưng ông T1 cho rằng việc vay nợ trên chỉ là giao dịch giả tạo, thực chất là giữa bà T và ông T1 cùng thỏa thuận việc ông T1 sẽ tìm người quen để bà T cho vay với lãi suất cao để hai bên cùng hưởng lợi nhuận. Tuy nhiên, thỏa thuận này không được bà T thừa nhận. Sau khi vay, ông T1 cho rằng đã trả cho bà T tổng vốn và lãi là 1.834.000.000 đồng (*một tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu đồng*), trong đó có 500.000.000 đồng là tiền lãi mà ông T1 đã trả với mức lãi suất cao so với quy định của Nhà nước. Do vậy, ông T1 có yêu cầu phản tố và đề nghị được khấu trừ vào tiền nợ vốn vay còn thiếu. Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh T1 thể hiện tại bản sao kê tài khoản tại ngân hàng của bà T, từ ngày 26/4/2021 đến ngày 15/10/2021 ông T1 đã chuyển trả cho bà T tổng cộng 1.750.000.000 đồng (*một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, bà T chỉ thừa nhận đã nhận tổng cộng 1.731.000.000 đồng (*một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu đồng*) và đồng ý cho ông T1 khấu trừ khoản tiền chuyển trả ngày 20/7/2021 là 737.000.000 đồng (*bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng*), còn các khoản chuyển trả khác bà T không đồng ý khấu trừ vì bà T cho rằng các khoản tiền mà ông T1 đã chuyển trả cho bà trước ngày 20/7/2021 là thanh toán cho các khoản nợ khác trước đó mà ông T1 vay và hai bên đã tất toán xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên (nay là thành phố T) quyết định:

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.*

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 5.717.603.229 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 5.063.000.000 đồng và tiền lãi là 654.603.229 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T về việc tính lãi với số tiền là 42.647.323 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 đối với nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T về việc khấu trừ số tiền 1.834.000.000 đồng, bao gồm 1.334.000.000 đồng là tiền nợ gốc đã thanh toán và 500.000.000 đồng là tiền lãi mà bà T đã thu vượt quá mức lãi suất quy định trong giao dịch dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 06/10/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 11/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2023/DS-PT ngày 19/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 và chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự số 81/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền nợ gốc là 5.063.000.000 đồng (năm tỷ không trăm sáu mươi ba triệu đồng).

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 đối với nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T về việc khấu trừ số tiền 203.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba triệu đồng) vào số tiền nợ gốc.

Sau khi khấu trừ, ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc là 4.860.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 về việc tính tiền lãi. Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền lãi là 635.193.658 đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

2.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T về việc tính tiền lãi với số tiền 42.647.323 đồng (bốn mươi hai

triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi ba đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 20/02/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có đơn đề nghị xem xét bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 253/QĐKN-VKS-DS ngày 04/11/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào giấy mượn tiền, các chứng từ giao dịch bằng hình thức chuyển khoản cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Thanh T1 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

Từ năm 2020 đến năm 2021, bà Nguyễn Ngọc T đã nhiều lần cho ông T1 vay tiền bằng hình thức viết giấy mượn nợ và chuyển khoản. Về thời hạn vay hai bên thống nhất có một số khoản vay có kỳ hạn là 01 tháng (đối với những khoản vay có viết giấy mượn nợ) và có một số khoản vay chuyển khoản thì không có thỏa thuận về thời hạn trả. Bà T đã cho ông T1 vay tổng cộng tiền vốn: 5.800.000.000 đồng. Sau khi vay, theo sự thừa nhận của bà T, ông T1 đã trả được 737.000.000 đồng (trả vào ngày 20/7/2021). Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ gốc là: 5.800.000.000 đồng - 737.000.000 đồng = 5.063.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với từng thời gian vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/9/2022. Tòa án hai cấp căn cứ vào nội dung Biên bản làm việc ngày 23/02/2022 và Biên bản hòa giải ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tuyên xử buộc ông T1 phải có trách nhiệm trả cho bà T nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng N quy định là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, quá trình thụ lý và xác minh thu thập chứng cứ đối với yêu cầu phản tố của ông T1 về việc xem xét số tiền ông đã chuyển khoản trả cho bà T tổng cộng 1.834.000.000 đồng (gồm nợ gốc 1.334.000.000 đồng và tiền lãi vượt quá quy định là 500.000.000 đồng) thì Tòa án hai cấp thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để đảm bảo cho quá trình giải quyết và xét xử vụ án, cụ thể:

Chưa tiến hành đối chất lấy lời khai giữa bà T với ông T1 đối với các khoản tiền mà ông T1 đã trả cho bà T, được bà T thừa nhận nhưng bà T lại cho rằng không phải chuyển trả cho khoản nợ vốn 5.800.000.000 đồng, mà là trả cho các

khoản nợ khác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1, không bảo đảm tính có thật của chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và chưa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2]. Căn cứ vào sự thừa nhận của bà T và sau khi đối chiếu với các giao dịch chuyển khoản tại tài khoản của ông T1 và bà T tại Ngân hàng TMCP P xác định từ ngày 26/4/2021 đến ngày 15/10/2021 (trong khoảng thời gian diễn ra giao dịch vay theo khởi kiện, ông T1 đã chuyển trả cho bà T tổng cộng 1.750.000.000 đồng (*một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*) nhưng bà T chỉ thừa nhận ông T1 đã chuyển trả: 1.731.000.000 đồng (*một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản. Cụ thể gồm các khoản như sau:

- Ngày 26/4/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*);

- Ngày 11/5/2021, ông T1 đã chuyển khoản trả cho bà T số tiền 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*);

- Ngày 07/6/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*);

- Ngày 08/6/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 19.000.000 đồng (*mười chín triệu đồng*);

- Ngày 16/6/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 105.000.000 đồng (*một trăm lẻ năm triệu đồng*);

- Ngày 10/7/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 54.000.000 đồng (*năm mươi bốn triệu đồng*);

- Ngày 14/7/2024, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 66.000.000 đồng (*sáu mươi sáu triệu đồng*);

- Ngày 20/7/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 737.000.000 đồng (*bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng*);

- Ngày 23/7/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 56.000.000 đồng (*năm mươi sáu triệu đồng*);

- Ngày 28/7/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 77.000.000 đồng (*bảy mươi bảy triệu đồng*);

- Ngày 20/8/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*);

- Ngày 15/10/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Như vậy, thực tế ông T1 đã chuyển khoản trả cho bà T tổng cộng 1.750.000.000 đồng (*một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*) nhưng bà T chỉ thừa nhận ông T1 đã chuyển: 1.731.000.000 đồng (*một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu đồng*). Tuy là sự chênh lệch không lớn nhưng bà T chỉ đồng ý cho ông T1 khấu trừ khoản tiền mà ông T1 chuyển trả ngày 20/7/2021 với số tiền là: 737.000.000 đồng (*bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng*) vào tổng số vốn 5.800.000.000 đồng (*năm tỷ*

tám trăm triệu đồng), số tiền chuyển khoản còn lại khoảng 01 tỷ đồng, ông T1 chuyển cho bà T nhưng bà T không đồng ý khấu trừ với lý do là ông T1 thanh toán cho các khoản vay khác và hai bên đã tất toán xong. Các khoản vay khác là các khoản vay cụ thể như thế nào thì bà T chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và Tòa án hai cấp cũng chưa đối chất lời khai giữa bà T với ông T1 để làm rõ nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T1 về việc cho khấu trừ 04 khoản tiền tổng cộng 203.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba triệu đồng) mà không dựa trên cơ sở chứng cứ nào, trong khi bà T thừa nhận đã nhận của ông T1 tổng cộng 1.731.000 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu đồng) là không phù hợp. Nếu chấp nhận cho khấu trừ các khoản tiền sau ngày 20/7/2021 mà ông T1 đã chuyển khoản tổng cộng 940.000.000 đồng (737.000.000 đồng + 203.000.000 đồng) mà Tòa án hai cấp đã chấp nhận cho khấu trừ vào tổng số tiền vốn vay mà ông T1 nợ bà T thì cũng phải chấp nhận cho ông T1 khấu trừ các khoản tiền ông T1 đã chuyển khoản cho bà T trước ngày 20/7/2021 (trong tổng số 1.731.000 đồng mà bà T thừa nhận) tổng cộng là 791.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 26/4/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 11/5/2021, ông T1 đã chuyển khoản trả cho bà T số tiền 525.000.000 đồng;
- Ngày 07/6/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng;
- Ngày 16/6/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 105.000.000 đồng;
- Ngày 10/7/2021, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 54.000.000 đồng;
- Ngày 14/7/2024, ông T1 chuyển khoản trả cho bà T số tiền 66.000.000 đồng.

[3]. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, trong vụ án này ông T1 đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố và chứng cứ này cũng đã được bà T thừa nhận, thể hiện ông T1 đã chuyển khoản trả cho bà T tổng cộng 1.731.000 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu đồng). Còn bà T chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh các khoản tiền mà ông T1 chuyển khoản trả cho bà T trước ngày 20/7/2021 là để trả nợ cho các khoản vay trước đó nên để đảm bảo yếu tố khách quan cần phải xác minh làm rõ ngoài số nợ vốn 5.800.000.000 đồng mà hai bên đã thống nhất thì cần phải làm rõ ông T1 còn vay số tiền nào khác của bà T hay không để có cơ sở giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông T1.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Tòa án hai cấp đã áp dụng không đúng quy định của pháp luật, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1. Do đó, cần chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 253/QĐKN-VKS-DS ngày 04/11/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 232/2023/DS-PT ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc T với bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.LTHS, P.GĐKT2, HS, THS (AQ).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

